

**NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT
ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ NGÀY 01/02/2026 ĐẾN NGÀY 28/02/2026**

-----38-----

STT	Tên văn bản	Thông tin văn bản	Nội dung chính
NGÀY 01/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 02/02/2026			
1	Nghị định 52/2026/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam	Số hiệu: 52/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Tài chính nhà nước Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành:	Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam Theo đó, nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: - Mọi tài sản được hình thành theo quy định tại Điều 3 Nghị định 52/2026/NĐ-CP đều được giao cho cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng quản lý, sử dụng.

	02/02/2026	Ngày hiệu lực: 02/02/2026	- Việc hình thành tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản (nếu có), nguồn tài sản và nguồn kinh phí được phép sử dụng, tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định. - Tài sản phải được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc các công cụ khác theo quy định của pháp luật. - Tài sản phải được sử dụng đúng công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, được khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. - Không được cho mượn tài sản, sử dụng tài sản vào mục đích cá nhân. Việc sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam làm quà tặng nhằm mục đích đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác được thực hiện theo ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về
--	------------	---	---

phòng, chống tham nhũng.

- Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải bảo đảm công khai, minh bạch, có hiệu quả, tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng.

- Đơn vị sự nghiệp của Đảng không được sử dụng tài sản để thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác trong các trường hợp sau đây:

+ Tài sản được cơ quan có thẩm quyền của Đảng giao quản lý, sử dụng.

+ Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ ngân sách đảng.

+ Quyền sử dụng đất, trừ trường hợp đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền thuê đất đã trả một lần cho cả thời gian thuê, tiền đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ ngân sách đảng sau khi được Chánh Văn phòng Trung ương Đảng cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia

			Hồ Chí Minh cho phép đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cho phép đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương. - Không bố trí vốn đầu tư công, ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới tài sản chỉ sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. - Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định.
NGÀY 03/02/2026			
2	Thông tư 08/2026/TT-BTC sửa đổi Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng	Số hiệu: 08/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Chứng khoán	Quy định về sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký để giao dịch chứng khoán Theo đó, Điều 15a bổ sung Điều 15 Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về sử dụng số hiệu tài khoản

**khoán được sửa đổi bởi
Thông tư 68/2024/TT-
BTC và Thông tư
18/2025/TT- BTC,
Thông tư 120/2020/TT-
BTC quy định giao dịch
cổ phiếu niêm yết, đăng
ký giao dịch và chứng
chỉ quỹ, trái phiếu
doanh nghiệp, chứng
quyền có bảo đảm niêm
yết trên hệ thống giao
dịch chứng khoán được
sửa đổi bởi Thông tư
68/2024/TT-BTC,
Thông tư 121/2020/TT-
BTC quy định về hoạt
động của công ty chứng
khoán được sửa đổi bởi
Thông tư 68/2024/TT-
BTC do Bộ trưởng Bộ
Tài chính ban hành**

Nơi ban hành: Bộ Tài
chính

Người ký: Nguyễn Đức
Chi

Ngày ban hành:
03/02/2026

Ngày hiệu lực:
03/02/2026

lưu ký để giao dịch chứng khoán như sau:

- Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài không cư trú tại công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán phải thực hiện nhận biết nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện sử dụng số hiệu tài khoản lưu ký của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở hợp đồng giữa tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện và công ty chứng khoán.
- Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có trách nhiệm cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu.

- Hợp đồng giữa công ty chứng khoán và tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

+ Thỏa thuận về việc nhận lệnh, đặt lệnh giao dịch chứng khoán;

+ Thỏa thuận về giá dịch vụ giao dịch chứng khoán và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch;

+ Thỏa thuận về việc xác thực nhà đầu tư nước ngoài, xác thực tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, xác nhận lệnh giao dịch trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch;

+ Việc cung cấp thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài khi công ty chứng khoán, cơ quan nhà nước có yêu cầu;

+ Việc xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền của nhà đầu tư với công ty chứng khoán khi thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh;

+ Thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán giao dịch của nhà

đầu tư nước ngoài là tổ chức trong trường hợp nhà đầu tư không có đủ tiền và các chi phí phát sinh khác (nếu có);

+ Thỏa thuận về nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng và các bên có liên quan (nếu có).

- Khi nhận lệnh giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện, công ty chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Công ty chứng khoán phải có biện pháp để xác định, đối chiếu đảm bảo lệnh được nhận từ tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện mà tổ chức này là một bên của hợp đồng theo quy định; đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin tại thời điểm nhận lệnh, lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh, xác nhận lệnh do tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện đặt lệnh cho nhà đầu tư nước ngoài để tra cứu khi cần thiết;

+ Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện có biện pháp đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin, bằng chứng về việc đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài để tra

			cứu khi cần thiết.
3	Thông tư 09/2026/TT-BTC quy định về tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Số hiệu: 09/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Bảo hiểm, Thể thao - Y tế Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Lê Tấn Cận Ngày ban hành: 03/02/2026 Ngày hiệu lực: 03/02/2026	Thẻ bảo hiểm y tế trên VssID có giá trị pháp lý như bản giấy Theo đó, thẻ bảo hiểm y tế của người tham gia đang thể hiện trên ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VssID) được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trước ngày 03/02/2026 tiếp tục có giá trị pháp lý như bản giấy và được quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư 09/2026/TT-BTC . Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định 188/2025/NĐ-CP do cơ quan bảo hiểm xã hội lập bằng phương tiện điện tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo mã số bảo hiểm xã hội duy nhất; được lưu trữ, cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của người tham gia và được tích hợp với tài khoản bảo hiểm xã hội số (VssID), liên kết với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử chứa đựng thông tin theo quy định tại Điều 10 Nghị định 188/2025/NĐ-CP . Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử do cơ quan bảo hiểm xã hội

phát hành kèm theo mã số bảo hiểm y tế và các thông tin cơ bản sau đây:

- Thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh;
- Thông tin về mức hưởng bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế;
- Thời điểm thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng;
- Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu;
- Thời điểm tham gia bảo hiểm y tế đủ 05 năm liên tục trở lên đối với đối tượng phải cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập bằng phương tiện điện tử, trong đó chứa đựng thông tin trên.

Thông tin thẻ bảo hiểm y tế được tích hợp và đồng bộ theo mã số bảo hiểm y tế, số căn cước của người tham gia bảo hiểm y tế.

NGÀY 04/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 05/02/2026

4

Nghị định 53/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực điều tra và phòng, chống thiên tai

Số hiệu: 53/2026/NĐ-CP

Lĩnh vực, ngành: Tài nguyên - Môi trường

Nơi ban hành: Chính phủ

Người ký: Trần Hồng Hà

Ngày ban hành:
05/02/2026

Ngày hiệu lực:
05/02/2026

Điểm mới về đối tượng đóng quỹ phòng chống thiên tai năm 2026

Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng 1/2 của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

(Trước đây quy định: Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà

nước, **tổ chức chính trị - xã hội và hội** được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở **huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện)**, ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng 1/2 của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng).

Mức lương cơ sở hiện đang áp dụng là 2,34 triệu đồng.

(Các đối tượng còn lại (*công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động*) được giữ nguyên theo Nghị định 78/2021, với đóng góp hàng năm như sau:

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.
- Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã nêu, đóng

góp 10.000 đồng/người/năm).

NGÀY 06/02/2026

5

Thông tư 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành

Số hiệu: 10/2026/TT-BNNMT

Lĩnh vực, ngành: Tài nguyên - Môi trường

Nơi ban hành: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Người ký: Nguyễn Hoàng Hiệp

Ngày ban hành: 06/02/2026

Ngày hiệu lực: 06/02/2026

Công việc trong hoạt động lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê

Theo đó, một số công việc liên quan đến hoạt động lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê bao gồm:

(i) Điều tra chuyên đề

- Điều tra bãi sông: dân cư, các bồi, cơ sở hạ tầng khu vực bồi, bãi sông phục vụ cho việc quy hoạch quản lý bãi sông;

- Điều tra hiện trạng công trình phòng, chống lũ: hồ chứa, công trình điều tiết lũ, công trình chỉnh trị sông, công trình bảo vệ bờ sông,...

- Điều tra hệ thống đê điều: cao trình, mặt cắt đê, công trình trên tuyến đê; kè; phạm vi bảo vệ đê; tình hình vi phạm đê điều,...;

Các điều tra chuyên đề cần được lập đề cương và dự toán riêng phục vụ lập quy hoạch.

(ii) Khảo sát kỹ thuật

- Khảo sát thủy văn.

Yêu cầu về khảo sát thủy văn:

+ Khảo sát đo đạc mực nước dòng chảy lũ...;

+ Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt.

Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác điều tra khảo sát khí tượng thủy văn.

- Khảo sát địa hình

Yêu cầu về khảo sát địa hình:

+ Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ lập quy hoạch;

+ Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ nghiên cứu bố trí tuyến đê, công trình trên đê;

+ Khảo sát đo đạc địa hình phục vụ nghiên cứu bố trí các công trình phòng, chống lũ khác;

		+ Đo các mặt cắt dọc, ngang sông phục vụ tính toán thủy lực, chỉnh trị sông,... theo đề cương được duyệt; + Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt. Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác khảo sát địa hình. - Khảo sát địa chất Yêu cầu về khảo sát địa chất: + Khảo sát địa chất địa điểm dự kiến bố trí tuyến đê, công trình trên đê; + Khảo sát địa chất địa điểm dự kiến bố trí các công trình phòng, chống lũ khác; + Vị trí, khối lượng khảo sát: Theo đề cương được duyệt. Nội dung công việc, định mức áp dụng theo quy định hiện hành về công tác khảo sát địa chất. (iii) Đánh giá môi trường chiến lược Nội dung Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) được xác định khối lượng thực hiện theo yêu cầu cụ thể từng
--	--	--

			quy hoạch và dự toán riêng theo các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hiện hành về lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
NGÀY 07/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 08/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 09/02/2026			
6	Nghị định 54/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản	Số hiệu: 54/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Bất động sản, Xây dựng - Đô thị Nơi ban hành: Chính phủ	Giá bán, cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư từ 09/02/2026 (1) Giá bán nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp được xác định trong phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư và xác định theo nguyên tắc bảo đảm tính đúng, tính

Người ký: Trần Hồng Hà

Ngày ban hành:
09/02/2026

Ngày hiệu lực:
09/02/2026

đủ chi phí theo quy định của pháp luật, trong đó chi phí cấu thành giá bán gồm: chi phí đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng; tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và thuế giá trị gia tăng.

(2) Giá thuê mua nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp theo nguyên tắc quy định tại (1) và xác định theo công thức quy định tại khoản 6 Điều 37a Nghị định 54/2026/NĐ-CP .

(3) Giá thuê nhà ở phục vụ tái định cư do nhà nước đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp được xác định theo nguyên tắc bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí theo quy định của pháp luật, trong đó chi phí cấu thành giá thuê gồm: các chi phí quy định tại (1), chi phí bảo trì được phân bổ theo thời hạn thu hồi vốn. Thời hạn thu hồi vốn đối với nhà ở để cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã khi được ủy quyền, phân cấp và tối đa không vượt quá thời hạn sử dụng công trình theo quy định của pháp luật và xác định

			theo công thức quy định tại khoản 6 Điều 37a Nghị định 54/2026/NĐ-CP . (4) Trường hợp mua, thuê mua căn hộ chung cư thì việc đóng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở. (5) Chi phí quản lý vận hành nhà ở (nếu có) do người mua, thuê, thuê mua nhà ở chi trả trực tiếp cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở theo quy định.
7	Nghị định 55/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước đã được sửa đổi bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP	Số hiệu: 55/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Vi phạm hành chính, Tài chính nhà nước Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 09/02/2026	Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp do vi phạm hành chính lĩnh vực quản lý tài sản công Theo đó, bổ sung nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công, như sau: Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Số lợi bất hợp pháp được xác định như sau: Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì số lợi bất hợp pháp

Ngày hiệu lực:
09/02/2026

được xác định từ khi tổ chức, cá nhân bắt đầu có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân bắt đầu có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần.

Bên cạnh đó, còn bổ sung quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác tài sản công theo quy định.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ còn thiếu theo quy định của pháp luật về tài sản công đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 13;

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 13.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do tổ chức vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 13 sau khi đã trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ (chi phí xác định giá; chi phí tổ chức đấu giá; chi phí trong lựa chọn nhà thầu; chi phí quản lý, vận hành trong thời gian khai thác và các khoản nghĩa vụ tài chính đã nộp cho Nhà nước) do tổ chức vi phạm cung cấp kèm hóa đơn, chứng từ theo quy định. Người đứng đầu tổ chức vi phạm chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí và hóa đơn, chứng từ do tổ chức mình cung cấp.

NGÀY 10/02/2026

8	Thông tư 12/2026/TT-BTC quy định trình tự, thủ tục giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, biểu mẫu tổng hợp thanh toán, quyết toán và biện pháp thi hành Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Số hiệu: 12/2026/TT-BTC Lĩnh vực, ngành: Bảo hiểm, Tài chính nhà nước, Thể thao - Y tế Nơi ban hành: Bộ Tài chính Người ký: Lê Tấn Cận Ngày ban hành: 10/02/2026 Ngày hiệu lực: 10/02/2026	Trình tự giám định chi phí khám chữa bệnh BHYT theo phương thức tự động Giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo phương thức tự động do Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam xử lý hồ sơ đề nghị thanh toán theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC , cảnh báo gia tăng chi phí khám bệnh, chữa bệnh bình quân quy định tại Điều 13 Thông tư 12/2026/TT-BTC . Các nội dung rà soát hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm: - Thông tin thẻ bảo hiểm y tế; - Mức hưởng và quyền lợi hưởng của người bệnh bảo hiểm y tế; - Phạm vi thanh toán đối với thuốc, thiết bị y tế, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo danh mục sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Mức thanh toán chi phí thuốc, máu và chế phẩm máu, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, ngày giường,
---	--	--	--

		vận chuyển người bệnh; - Chi phí thuốc, thiết bị y tế, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có quy định tỷ lệ, điều kiện thanh toán; - Phạm vi hoạt động chuyên môn, thời gian khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; - Phạm vi hành nghề, thời gian làm việc của người hành nghề; - Thời gian giữa các lần khám bệnh, chữa bệnh của một người bệnh; - Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hợp lý theo tiêu chuẩn, tiêu chí được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Bảo hiểm y tế; - Số liệu thống nhất trên Bảng kê chi tiết; - Số lượng thuốc, thiết bị y tế sử dụng theo số lượng được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc được điều chuyển theo quy định tại Điều 43 Nghị định 188/2025/NĐ-CP . Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ
--	--	--

sơ đề nghị thanh toán, kết quả giám định bằng phương thức tự động được gửi cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên Cổng tiếp nhận dữ liệu như sau:

- Hồ sơ đề nghị thanh toán đúng quy định của pháp luật đối với các nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC;

- Bảng kê chi tiết có chi phí từ chối thanh toán do không đúng quy định của pháp luật đối với nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC;

- Bảng kê chi tiết có nội dung quy định tại điểm đ hoặc điểm i khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC nhưng không đủ thông tin để xác định chi phí khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thanh toán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản hồi từ Cổng tiếp nhận dữ liệu, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm rà soát, cung cấp, bổ sung tài liệu, dữ liệu như sau:

- Văn bản kèm theo tài liệu chứng minh đủ điều kiện thanh toán đối với nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC hoặc bản sao nội

		dung trong hồ sơ bệnh án khi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát hiện Bảng kê chi tiết không khớp đúng hồ sơ bệnh án; - Bảng kê chi tiết điều chỉnh được lập theo Mẫu số 09/BH Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 12/2026/TT-BTC đối với nội dung quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC. Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế xử lý dữ liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC; từ chối thanh toán đối với trường hợp đã điều chỉnh nhưng không đúng quy định của pháp luật đối với nội dung tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 12/2026/TT-BTC.
NGÀY 11/02/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 12/02/2026		

9	Nghị định 57/2026/NĐ-CP cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Số hiệu: 57/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp, Tài chính nhà nước Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Hồ Đức Phớc Ngày ban hành: 12/02/2026 Ngày hiệu lực: 13/02/2026	Điều kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Theo đó, điều kiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau: - Các doanh nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định 57/2026/NĐ-CP thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo các điều kiện sau: + Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ; + Sau khi đã xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương II Nghị định 57/2026/NĐ-CP mà giá trị thực tế doanh nghiệp bằng hoặc lớn hơn các khoản phải trả. - Các doanh nghiệp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương II Nghị định 57/2026/NĐ-CP mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp tiếp tục phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án mua bán, xử lý
---	--	--	---

nợ tái cơ cấu doanh nghiệp để doanh nghiệp đủ điều kiện cổ phần hóa.

Trường hợp phương án mua bán, xử lý nợ tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi thì chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Đồng tiền thanh toán và phương thức bán cổ phần lần đầu

- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam.

			- Việc bán cổ phần lần đầu được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai và thỏa thuận trực tiếp. - Tùy theo đối tượng và điều kiện mua cổ phần lần đầu, cơ quan đại diện chủ sở hữu xác định phương thức bán cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 57/2026/NĐ-CP cho phù hợp.
NGÀY 13/02/2026			
10	Nghị định 58/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; hướng dẫn Luật cư trú, Luật Căn cước	Số hiệu: 58/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Thương mại, Quyền dân sự Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Nguyễn Hòa Bình Ngày ban hành: 13/02/2026	- Điều kiện kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ. Các dịch vụ này bao gồm việc sử dụng thuốc, chất, thiết bị để can thiệp vào cơ thể người nhằm thay đổi màu sắc da, hình dạng, cân nặng, khắc phục khiếm khuyết hoặc tạo hình theo ý muốn đối với các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, các hoạt động xăm, phun, thêu trên da cũng được điều chỉnh trong quy định này. - Quản lý và sử dụng con dấu Nghị định cũng đề cập đến việc quản lý và sử dụng con dấu, đảm bảo rằng việc sử dụng con dấu phải tuân thủ các

		Ngày hiệu lực: 15/03/2026	quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trong các hoạt động kinh doanh và hành chính. - Quản lý, sử dụng pháo Quy định về quản lý và sử dụng pháo cũng được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo an toàn, trật tự xã hội. Các quy định này nhằm kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng pháo, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến pháo. Nghị định 58/2026/NĐ-CP là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý, đảm bảo an ninh, trật tự cho các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi Luật Cư trú và Luật Căn cước.
11	Nghị định 59/2026/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước	Số hiệu: 59/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Vi phạm hành chính Nơi ban hành: Chính phủ	Trình tự, hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất từ ngày 1/4/2026 Căn cứ Điều 8 Nghị định 59/2026/NĐ-CP quy định về trình tự, hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất từ ngày 1/4/2026 như sau:

**ngoài vi phạm pháp
luật Việt Nam trong
thời gian làm thủ tục
trục xuất**

Người ký: Nguyễn Hòa
Bình

Ngày ban hành:
13/02/2026

Ngày hiệu lực:
01/04/2026

- Trình tự đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất:

+ Người thi hành công vụ phát hiện người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thì lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP và các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực;

+ Trong thời hạn quy định tại khoản 9 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP , người lập biên bản vi phạm hành chính phải gửi các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm tới cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi xảy ra hành vi vi phạm để lập hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất. Đối với trường hợp vi phạm do cơ quan ở trung ương, đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an phát hiện thì các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm được gửi đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an để lập hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến vụ vi phạm; nếu không đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt trực xuất thì phải thông báo ngay cho cơ quan phát hiện vi phạm biết; nếu đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt trực xuất thì hoàn thiện hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 59/2026/NĐ-CP.

- Hồ sơ đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất gồm:

+ Tóm tắt lý lịch và hành vi vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

+ Biên bản vi phạm hành chính của người bị đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

+ Tài liệu, chứng cứ về hành vi vi phạm hành chính;

+ Tài liệu về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đã bị áp dụng (đối với trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm);

			+ Văn bản đề nghị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất, trong đó nêu rõ hình thức xử phạt trực xuất là hình thức xử phạt chính hay hình thức xử phạt bổ sung đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 59/2026/NĐ-CP.
12	Nghị định 61/2026/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính	Số hiệu: 61/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Vi phạm hành chính Nơi ban hành: Chính phủ Người ký: Nguyễn Hòa Bình Ngày ban hành: 13/02/2026 Ngày hiệu lực: 01/04/2026	- Danh mục và tiêu chuẩn thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ Nghị định ban hành kèm theo danh mục các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các thiết bị này bao gồm máy móc có chức năng ghi âm, ghi hình, đo lường, phân tích, kiểm định, và lưu trữ dữ liệu. Tiêu chuẩn và định mức sử dụng các thiết bị này phải tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả. - Quy trình thu thập và sử dụng dữ liệu Dữ liệu thu được từ các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được sử dụng đúng mục đích, không xâm phạm quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của cá nhân và tổ chức. Quy trình thu thập và sử dụng dữ liệu phải đảm bảo tính khách quan, chính xác, và trung thực về hành vi vi phạm, thời gian, địa

điều xảy ra vi phạm.

- Nguồn kinh phí và quản lý thiết bị

Kinh phí cho việc đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng thiết bị phải tuân thủ các quy định về tài sản công, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghị định nghiêm cấm các hành vi lạm dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để xâm phạm quyền lợi của cá nhân, tổ chức, sử dụng thiết bị không đúng mục đích, và làm giả, làm sai lệch dữ liệu thu được từ thiết bị.

- Phụ lục danh mục thiết bị

Nghị định kèm theo 11 phụ lục, mỗi phụ lục liệt kê danh mục thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng trong các lĩnh vực cụ thể như giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng hải, hàng không, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng chống ma túy, tác hại của rượu bia, khai thác thủy sản, và tần số vô tuyến điện. Các

			thiết bị này bao gồm từ máy đo độ dài, cân kiểm tra tải trọng, thiết bị ghi âm ghi hình, đến các hệ thống giám sát và điều phối giao thông.
NGÀY 14/02/2026			
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG			
NGÀY 15/02/2026			
13	Thông tư 08/2026/TT-BXD sửa đổi các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	Số hiệu: 08/2026/TT-BXD Lĩnh vực, ngành: Bất động sản, Xây dựng - Đô thị Nơi ban hành: Bộ Xây dựng Người ký: Nguyễn Văn Sinh Ngày ban hành:	- Sửa đổi và bổ sung quy định về đối tượng hưởng chính sách nhà ở Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm c2 vào sau điểm c1 khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 05/2024/TT-BXD. Cụ thể, các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở sẽ thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở, không có hợp đồng lao động và không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, sẽ thực hiện theo Mẫu số 05.

	15/02/2026 Ngày hiệu lực: 15/02/2026	- Thay thế các mẫu giấy tờ chứng minh Thông tư thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02, và Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD bằng các mẫu tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Các mẫu này được sử dụng để chứng minh đối tượng và điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội. - Bãi bỏ yêu cầu về bảng tiền công/tiền lương Thông tư bãi bỏ cụm từ yêu cầu "photo Bảng tiền công/tiền lương trong 12 tháng liền kề" tại Mẫu số 01a và Mẫu số 04 của Thông tư số 05/2024/TT-BXD sửa đổi, nhằm đơn giản hóa thủ tục chứng minh thu nhập cho các đối tượng. - Điều khoản chuyển tiếp Các giấy tờ chứng minh đối tượng, điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội đã được xác nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng và có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.
--	---	---

NGÀY 16/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 17/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 18/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 19/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 20/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 21/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 22/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 23/02/2026

KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG

NGÀY 24/02/2026

14	Thông tư 07/2026/TT-BCT sửa đổi Thông tư 37/2013/TT-BCT quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà do Bộ trưởng Bộ Công	Số hiệu: 07/2026/TT-BCT Lĩnh vực, ngành: Xuất nhập khẩu Nơi ban hành: Bộ Công	Quy định về đăng ký nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà theo chế độ cấp phép tự động từ 10/04/2026 Theo đó, tại Thông tư 07/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-BCT quy định về ký nhập khẩu theo chế độ cấp phép tự
----	---	--	---

	Thương ban hành	thương Người ký: Nguyễn Sinh Nhật Tân Ngày ban hành: 24/02/2026 Ngày hiệu lực: 10/04/2026	động cụ thể như sau: - Trước khi làm thủ tục nhập khẩu, thương nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp tại UBND tỉnh/thành phố nơi thương nhân có trụ sở chính hoặc nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích, trực tuyến của Cơ quan cấp phép bao gồm: + Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà: 02 (hai) bản theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 07/2026/TT-BCT ; + Hợp đồng nhập khẩu: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân); + Hóa đơn thương mại: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân); + Vận đơn hoặc chứng từ vận tải của lô hàng: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) (nếu có); + Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân). - Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận
--	------------------------	---	--

		được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-BCT , Cơ quan cấp phép tiến hành xác nhận Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ hoặc trường hợp không xác nhận, Cơ quan cấp phép có văn bản thông báo cho thương nhân bổ sung hồ sơ hoặc nêu rõ lý do. - Thời hạn hiệu lực thực hiện của Đơn đăng ký nhập khẩu tự động do Cơ quan cấp phép xác nhận là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Đơn được xác nhận.
NGÀY 25/02/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 26/02/2026		
KHÔNG CÓ VĂN BẢN QUAN TRỌNG		
NGÀY 27/02/2026		

15	Thông tư 11/2026/TT-BCT quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Số hiệu: 11/2026/TT-BCT Lĩnh vực, ngành: Thương mại, Thể thao - Y tế Nơi ban hành: Bộ Công thương Người ký: Trương Thanh Hoài Ngày ban hành: 27/02/2026 Ngày hiệu lực: 16/04/2026	Thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm từ ngày 16/4/2026 Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về hoạt động sản xuất, kinh doanh sau đây: - Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận khác theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh; - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Cơ sở sản xuất thực phẩm phải thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về thực phẩm sau đây: - Tên, hình ảnh sản phẩm;
----	--	---	---

- Thương hiệu, nhãn hiệu, mã ký hiệu, số sê-ri sản phẩm (nếu có);
- Mã định danh, mã truy xuất nguồn gốc thực phẩm (nếu có);
- Các thông tin về quy cách đóng gói, chất liệu bao bì, thành phần trong thực phẩm;
- Thời hạn sử dụng của sản phẩm đối với thực phẩm có quy định bắt buộc ghi hạn sử dụng;
- Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng;
- Bản công bố hợp quy kèm theo Kết quả chứng nhận hợp quy đối với thực phẩm có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn hoặc Bản công bố tiêu chuẩn kèm theo Phiếu kết quả kiểm nghiệm sản phẩm được cấp bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 đối với thực phẩm không có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn hoặc chưa có tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định của pháp luật

			về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hoặc chưa có phương thức đánh giá sự phù hợp (nếu có); - Thông tin về khối lượng, số lượng, mã số của lô/mẻ sản phẩm; - Địa điểm, thời gian diễn ra sự kiện truy xuất do cơ sở sản xuất thực hiện; - Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của khách hàng, đại lý, nhà phân phối, đơn vị vận chuyển, bảo quản, lưu kho, nhà cung cấp nguyên liệu/bán thành phẩm (nếu có); - Thông tin về lô/mẻ nguyên liệu, bán thành phẩm (tên, khối lượng, số lượng, thời gian giao nhận, thời hạn sử dụng, chất liệu bao bì, phụ gia); kết quả kiểm nghiệm của lô/mẻ nguyên liệu/bán thành phẩm do nhà cung cấp nguyên liệu/bán thành phẩm hoặc cơ sở sản xuất hoặc cơ sở kiểm nghiệm thực hiện (nếu có); - Kết quả kiểm nghiệm lô/mẻ thành phẩm thực phẩm do cơ sở sản xuất hoặc cơ sở kiểm nghiệm thực hiện (nếu có). Cơ sở kinh doanh thực phẩm phải tổ chức tiếp nhận thông
--	--	--	--

tin, giấy tờ từ cơ sở sản xuất thực phẩm và thường xuyên thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan, bảo đảm sẵn sàng cung cấp các thông tin, giấy tờ tối thiểu về sản phẩm thực phẩm theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 5 Thông tư 11/2026/TT-BCT và bổ sung thêm thông tin về địa điểm, thời gian diễn ra sự kiện truy xuất nguồn gốc do cơ sở kinh doanh thực phẩm thực hiện.

Đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, ngoài các thông tin quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 5 Thông tư 11/2026/TT-BCT, cơ sở kinh doanh thực phẩm phải thường xuyên thiết lập, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan và bảo đảm sẵn sàng cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:

- Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của nhà sản xuất/xuất khẩu;
- Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ, mã số doanh nghiệp của nhà nhập khẩu;
- Chứng nhận c/o hoặc kết quả kiểm nghiệm tại nước xuất xứ;
- Thông tin về khối lượng, số lượng, mã số của lô hàng

			nhập khẩu. Đối với thực phẩm xuất khẩu, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo quy định của nước nhập khẩu; những thực phẩm vừa xuất khẩu vừa lưu thông trong nước khi tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải tuân thủ quy định tại Thông tư 11/2026/TT-BCT . Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thiết lập, lưu trữ cơ sở dữ liệu tại cơ sở để tổng hợp các thông tin, giấy tờ quy định tại Điều này dưới dạng biểu mẫu văn bản điện tử và các dạng dữ liệu cần thiết có liên quan khác phù hợp với quy định để cung cấp, cập nhật thông tin của sản phẩm trên Hệ thống truy xuất.
NGÀY 28/02/2026			
16	Nghị định 63/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	Số hiệu: 63/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Bộ máy hành chính Nơi ban hành: Chính	Quy định về sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước từ 01/03/2026 - Sao tài liệu bí mật nhà nước là việc chép lại hoặc tạo ra bản khác theo đúng nội dung của tài liệu bí mật nhà nước. Sao tài liệu bí mật nhà nước gồm: sao từ văn bản giấy sang

	phủ Người ký: Phạm Minh Chính Ngày ban hành: 28/02/2026 Ngày hiệu lực: 01/03/2026	văn bản giấy, sao từ văn bản giấy sang văn bản điện tử. - Chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước là việc ghi lại bằng hình ảnh tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. - Việc sao tài liệu bí mật nhà nước được quy định như sau: + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước là văn bản giấy phải đóng dấu “Bản sao bí mật nhà nước” theo quy định tại Nghị định này, được người có thẩm quyền cho phép sao ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức (nếu có). Trường hợp sao nhiều bản, cơ quan, tổ chức thực hiện nhân bản từ bản sao đầu tiên, đã được đóng dấu “Bản sao bí mật nhà nước”, có chữ ký của người có thẩm quyền cho phép sao; sau đó, đóng dấu của cơ quan, tổ chức trên các bản sao. Đối với cơ quan, tổ chức không có con dấu riêng thì người có thẩm quyền cho phép sao ký trực tiếp tại dấu “Bản sao bí mật nhà nước”; + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước là văn bản giấy sang văn bản điện tử được thực hiện bằng việc số hóa văn bản giấy và ký số của người có thẩm quyền cho phép sao; + Bản sao tài liệu bí mật nhà nước được gửi đến đúng nơi
--	--	--

nhận được người có thẩm quyền sao cho phép.

- Việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quy định như sau:

+ Phải có văn bản ghi nhận việc chụp theo mẫu quy định tại Nghị định này; văn bản ghi nhận việc chụp được gửi kèm theo bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến nơi nhận;

+ Bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được gửi đến đúng nơi nhận được người có thẩm quyền chụp cho phép.

- Việc sao, chụp phải được ghi vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước” để quản lý. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép; người thực hiện sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước có trách nhiệm hủy bỏ ngay bản dư thừa, bản hỏng bảo đảm không thể khôi phục.

- Bản sao, chụp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như bản chính, bản gốc.

- Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải tiến hành tại địa điểm bảo đảm an toàn do người đứng đầu

			của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước quy định. - Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu và quy định khác của pháp luật có liên quan. - Việc sao, chụp điện mật được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. - Mẫu dấu bản sao bí mật nhà nước; mẫu văn bản ghi nhận việc chụp bí mật nhà nước; mẫu sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước; hình thức ký số của người có thẩm quyền trên bản sao văn bản điện tử bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này.
17	Nghị định 64/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp	Số hiệu: 64/2026/NĐ-CP Lĩnh vực, ngành: Doanh nghiệp Nơi ban hành: Chính	Thủ tục trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản Theo đó, thủ tục trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản như sau: - Cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận văn bản đề nghị

	tác xã phá sản	phủ Người ký: Hồ Quốc Dũng Ngày ban hành: 28/02/2026 Ngày hiệu lực: 01/03/2026	trả lại tài sản và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê, cho mượn của chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Phục hồi, phá sản 2025. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và các giấy tờ quy định tại khoản này, Chấp hành viên thông báo và chuyển cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trường hợp chủ sở hữu tài sản có văn bản đề nghị trước khi có quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì việc yêu cầu trả lại tài sản cho thuê hoặc cho mượn được đưa vào văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định 64/2026/NĐ-CP . - Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 64/2026/NĐ-CP hoặc kể từ ngày người cho thuê đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu và báo cáo bằng văn bản cho Chấp hành viên biết.
--	------------------------------	---	---

Hướng dẫn xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản

Theo đó, việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên quy định tại Điều 5 Nghị định 64/2026/NĐ-CP, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản; của người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản và của người khác có liên quan.

Người mắc nợ, người có tài sản bảo đảm theo quyết định tuyên bố phá sản có trách nhiệm kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật

			về thi hành án dân sự, trường hợp phát sinh chi phí thì phải thanh toán theo quy định và được xác định là chi phí phá sản.
--	--	--	--